

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/DS-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Sức
- Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng góp hui”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Lê Thanh N, sinh năm 1989

Nơi cư trú: tổ 03, ấp Hiệp Tr, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: chị Trần Thị Như Ng, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: tổ 01, ấp Hiệp Tr, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Anh N có mặt; chị Ng có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Thanh N trình bày:

Do quen biết cùng xóm nên có tham gia chơi hui do chị Trần Thị Như Ng làm chủ dây hui 1.000.000 đồng/1tháng, khởi hui ngày 10/02al/2020, có 30 phần, anh 01 phần, số thứ tự 29 trong danh sách hui viên. Anh hót chót số tiền

29.800.000 đồng, trừ huê hồng 500.000 đồng, còn lại 29.300.000 đồng chị Ng chưa giao. Nay yêu cầu chị Ng trả số tiền hụi 29.300.000 đồng.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 04/5/2023, bị đơn chị Trần Thị Như Ng trình bày:

Chị có làm chủ hụi, anh N là hụi viên. Chị có nhận được thông báo thụ lý, hoà giải của Toà án về việc anh Lê Thanh N khởi kiện đòi số tiền hụi 29.300.000 đồng. Danh sách hụi ngày 10/02a/2020 do anh N cung cấp đúng là do chị lập, đồng ý còn thiếu anh N số tiền 29.300.000 đồng, nhưng khi nào bán được tài sản thì sẽ trả, yêu cầu được vắng mặt khi Toà án xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Qua đó cho thấy nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh N, buộc chị Trần Thị Như Ng trả số tiền hụi 29.300.000 đồng. Về án phí, chị Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh N khởi kiện chị Ng đòi số tiền hụi. nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Chị Ng có nơi cư trú tại xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 10/02a/2020, anh N có tham gia chơi hụi do chị Ng làm chủ hụi, chứng cứ khởi kiện là danh sách hụi ngày 10/02a/2020 do chị Ng lập. Anh N hốt chót được số tiền 29.800.000 đồng, sau khi trừ huê hồng 500.000 đồng, còn lại 29.300.000 đồng đến nay chị Ng chưa giao. Ngoài ra, còn có lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị Cẩm H, Phan Thị Ngọc B, Nguyễn Văn Kh cùng tham gia chơi hụi chung. Bị đơn chị Ng thừa nhận hiện nay còn nợ tiền hụi như anh N yêu cầu, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về tiền lãi hui, lẽ ra phải điều chỉnh tiền lãi trên tổng số tiền vốn góp mà anh N đã thực nộp cho chị Ng theo mức lãi 20%/năm theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, nhưng anh N, chị Ng không tranh chấp nên không xem xét.

[2.3] Chị Ng có yêu cầu khi nào bán được tài sản sẽ trả, yêu cầu này không được anh N đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường, buộc chị Ng phải trả cho anh N số tiền hui 29.300.000 đồng.

[2.4] Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của anh N được chấp nhận toàn bộ nên chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (29.300.000 đồng x 5% = 1.465.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh N đối với chị Trần Thị Như Ng về hợp đồng góp hui.

Buộc chị Trần Thị Như Ng phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Thanh N số tiền 29.300.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Như Ng phải chịu án phí 1.465.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn).

Anh Lê Thanh N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0005940 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

3. Về quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.